

Bản án số: **2412/2025/DS – ST**

Ngày: 30 - 9 - 2025

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
tín dụng*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Oanh;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thanh Hương;

2. Bà Nguyễn Thị Thu Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An Thành – Cán bộ Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thuý Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 650/2025/TLST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2025 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 940/2025/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 716/2025/QĐST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP V; Người đại diện theo uỷ quyền là: Ông Đoàn Anh T hoặc ông Nguyễn Bảo M hoặc ông Trương Nhật T1; Cùng địa chỉ liên hệ: Lầu A, số I đường C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (*Văn bản uỷ quyền số 692/2025/UQ-VPB ngày 01/7/2025*).

- *Bị đơn:* Ông Phạm T2, sinh ngày: 12/5/1959; Địa chỉ: G N, KP2, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

(*tại phiên tòa: Ông T có mặt; ông T2 vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện đề ngày 06/5/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP V (sau đây gọi tắt là V1) do ông Đoàn Anh T làm người đại diện theo uỷ quyền trình bày như sau:

Ông Phạm T2 có vay vốn tại V1, theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng Đ ngày 19/10/2021 (sau đây gọi tắt là hợp đồng), cụ thể như sau:

Hạn mức: 360.000.000 đồng; Loại thẻ: V1

Lãi suất: 47.88%/năm

Mục đích vay: Vay tiêu dùng.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay vốn nêu trên, ông Phạm T2 chi tiêu tổng số tiền là 553.858.349 đồng sau đó ông T2 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với V1 nên khoản vay bị chuyển nợ quá hạn và phải chịu lãi suất nợ quá hạn kể từ ngày 14/4/2024.

Nay V1 khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết:

1. Buộc ông Phạm T2 phải thanh toán ngay cho V1 toàn bộ số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng, tạm tính đến ngày 30/9/2025 là 685.379.260 đồng. Trong đó nợ gốc là 269.533.232 đồng; nợ lãi là 415.846.027 đồng.

2. Ông Phạm T2 phải tiếp tục trả lãi quá hạn theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng nêu trên, kể từ ngày 01/10/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ cho V1.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ giấy triệu tập; thông báo thu lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải; giấy triệu tập tham dự phiên tòa; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn không có ý kiến đối với các văn bản đã được Tòa án tổng đạt, do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn do ông Đoàn Anh T làm người đại diện theo ủy quyền vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như trên.

- Bị đơn vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ *Về việc tuân theo pháp luật:* Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định, vụ án thụ lý đúng thẩm quyền. Đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Về thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định pháp luật.

+ *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và nghe ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và tư cách tham gia tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:

Xét nguyên đơn Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Phạm T2 thanh toán số tiền gốc, lãi theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng Đ ngày 19/10/2021. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn có đăng ký tạm trú và hiện cư ngụ tại địa chỉ số G N, KP2, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh do đó Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh) thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về tư cách tham gia tố tụng của đương sự:

Căn cứ theo quy định tại Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Ngân hàng TMCP V là nguyên đơn; ông Phạm T2 là bị đơn là hoàn toàn phù hợp.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự:

Bị đơn ông Phạm T2 đã được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về pháp luật áp dụng:

Thời điểm xác lập hợp đồng giữa các đương sự vào năm 2021 nên được Bộ luật dân sự năm 2015 điều chỉnh.

[4]. Về tính pháp lý của Hợp đồng:

Xét Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử số 325-P-5006392 ngày 19/10/2021 giữa Ngân hàng TMCP V với ông Phạm T2 phù hợp với quy định tại các Điều 385 về hợp đồng; Điều 400 về thời điểm giao kết hợp đồng; Điều 401 về hiệu lực của hợp đồng của Bộ luật dân sự năm 2015. Các bên tham gia giao kết hợp đồng trên

cơ sở tự nguyện; nội dung và hình thức của hợp đồng không trái quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Hợp đồng có hiệu lực từ thời điểm các bên giao kết làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên.

[5] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[5.1] Về nợ gốc:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng nêu trên và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định ông Phạm T2 có vay của Ngân hàng TMCP V số tiền gốc là 360.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T2 đã chi tiêu tổng số tiền là 553.858.349 đồng, thanh toán được số tiền gốc là 284.325.117 đồng còn nợ lại số tiền gốc là 269.533.232 đồng sau đó vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện.

Mặt khác, căn cứ khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng: *“Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng”*.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ nên nguyên đơn khởi kiện là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP V buộc ông Phạm T2 phải thanh toán số tiền nợ gốc còn lại là 269.533.232 đồng cho nguyên đơn.

[5.2] Về yêu cầu thanh toán tiền lãi:

Căn cứ Đề nghị vay vốn kèm Hợp đồng tín dụng nêu trên, các tài liệu có trong hồ sơ và lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định lãi suất vay hai bên thoả thuận là: 47.88%/năm; thời hạn 12 tháng.

Tại khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng quy định: *"Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ theo hợp đồng tín dụng"*, ngoài ra tại khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng quy định: *"Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thoả thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật"*.

Vì Ngân hàng TMCP V có chức năng hoạt động tín dụng nên lãi suất do các bên thoả thuận trong Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng Đ ngày 19/10/2021 là phù hợp

quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng. Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu thanh toán tiền lãi của nguyên đơn.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Phạm T2 phải thanh toán tổng số tiền nợ gốc và lãi cho V1 theo Hợp đồng tín dụng đã ký tạm tính đến ngày 30/9/2025 là 685.379.260 đồng (trong đó nợ gốc là 269.533.232 đồng và nợ lãi là 415.846.027 đồng).

[5.3] Về thời hạn thanh toán:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc, lãi còn nợ một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã lâu gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Căn cứ Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[5.4] Ông Phạm T2 còn phải thanh toán lãi phát sinh kể từ ngày 01/10/2025 cho đến khi thanh toán dứt nợ cho nguyên đơn.

[6] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Phạm T2 phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Phạm T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 31.415.170 đồng.

Hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là 13.210.937 đồng cho Ngân hàng TMCP V theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000374 ngày 25/6/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[8] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; khoản 1 Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 385; Điều 400; Điều 401; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 91; khoản 1 khoản 2 Điều 95; Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Luật Thi hành án dân sự 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2022);

- Điều 7; Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

- Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Điều 3; Điều 4; Điều 13; Điều 18; Điều 20; Điều 21 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V.

- Buộc ông Phạm T2 phải thanh toán tổng số tiền nợ gốc và lãi (theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng Đ ngày 19/10/2021 đã ký với Ngân hàng TMCP V) tạm tính đến ngày 30/9/2025 là 685.379.260 (sáu trăm tám mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn hai trăm sáu mươi) đồng (trong đó nợ gốc là 269.533.232 đồng và nợ lãi là 415.846.027 đồng).

- Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực.

- Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 01/10/2025, ông Phạm T2 còn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận ghi trong Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán dứt nợ cho nguyên đơn.

[2] Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 31.415.170 (ba mươi một triệu bốn trăm mười lăm nghìn một trăm bảy mươi) đồng.

Hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là 13.210.937 (mười ba triệu hai trăm mười nghìn chín trăm ba mươi bảy) đồng cho Ngân hàng TMCP V theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000374 ngày 25/6/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3] Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP . HCM;
- VKSND TP . HCM;
- Thi hành án dân sự TPHCM;
- VKSND KV9-TPHCM;
- Phòng THADSKV9-TPHCM;
- Lưu VP, hồ sơ (An Thành)./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kiều Oanh